

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/HS-PT

Ngày: 15/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Vinh.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang

Ông Nguyễn Gia Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Hoàng Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15/6/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 381/2021/TLPT-HS ngày 01/12/2021 đối với bị cáo Hoàng Thạch D, do có kháng cáo của bị cáo Hoàng Thạch D đối với bản án hình sự sơ thẩm số 86/2021/HSST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Hoàng Thạch D- sinh năm 1991;

Tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: Thôn G, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Văn hóa: Lớp 12/12;

Con ông: Hoàng Mạnh H1, sinh năm 1968;

Con bà: Lưu Thị H2, sinh năm 1969;

Vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1991;

Bị cáo có 02 con: con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020;

Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con út;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 31/5/2019, Hoàng Thạch D, nhận chuyển nhượng của ông Lê Khắc TH, sinh năm 1980 ở tổ 18, phường ND, quận C, thành phố H3 thửa đất số 854, tờ bản đồ số 49, diện tích 104,7m² thuộc khu dân cư số 3, tổ dân phố TĐ, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang với giá 1.150.000.000 đồng (*một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng*), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP627556 cấp ngày 30/11/2018 mang tên ông Lê Khắc TH đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H chỉnh lý sang tên Hoàng Thạch D.

Ngày 21/6/2019 D và Nguyễn Thị N, sinh năm 1991 (vợ Dương) đã làm thủ tục thế chấp tại Ngân hàng VP Bank Chi nhánh huyện H quyền sử dụng thửa đất trên vay số tiền 550.000.000 đồng (*Năm trăm năm mươi triệu đồng*).

Qua mối quan hệ xã hội, D quen biết với anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1990 ở thôn TR, xã MT, huyện H là cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện H, đến khoảng tháng 11/2019 D nhờ anh N1 rao bán quyền sử dụng mảnh đất đang thế chấp tại Ngân hàng VP Bank trên. Anh N1 nhờ chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986 ở Tổ dân phố ĐN, thị trấn T, huyện H tìm người mua. Thông qua anh N1 và chị L thì D đã chuyển nhượng lại thửa đất trên cho anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1978 và anh Hoàng Văn H4, sinh năm 1986 đều ở thôn NC, xã VN, huyện ĐA, thành phố H3 với giá 1.070.000.000 đồng (*một tỷ không trăm bảy mươi triệu đồng*) theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 18/11/2019 tại UBND xã Đức T, huyện H. Khi làm thủ tục chuyển nhượng D, bảo vợ là N ký vào hợp đồng chuyển nhượng trên rồi chuyển lại bản hợp đồng cho chị L, sau đó N đi về trước. Một mình D ở lại nhận số tiền còn lại sau khi đã trừ đi số tiền mà ngày hôm trước anh N1 đưa cho D và cùng đi trả tiền để xóa thế chấp tại Ngân hàng VP Bank. Ngày 18/11/2019 anh Q và anh H4 đã làm thủ tục đăng ký chuyển quyền sử dụng đất sang tên mình. Ngày 03/12/2019 anh Q và anh H4 đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT653178 đối với thửa đất trên. Theo D và N khai nhận, sau khi giao dịch và D nhận tiền xong, D về nhà nói với N là không bán đất nữa vì giá rẻ quá nên N tưởng rằng mảnh đất này chưa bán cho anh Q và anh H4. Số tiền có được từ việc chuyển nhượng đất cho anh Q và anh H4, một mình D đã sử dụng chi tiêu hết.

Do công việc làm ăn thua lỗ, thiếu tiền chi tiêu cá nhân nên D nảy sinh ý định lừa bán thửa đất đã chuyển nhượng cho anh Q và anh H4 trước đó. Ngày 22/12/2020, khi đi ngang qua nhà anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1985 ở cùng thôn, D nói với anh T2 là mình có ý định muốn bán thửa đất số 854, tờ bản đồ số 49, diện tích 104,7m² thuộc khu dân cư số 3, tổ dân phố TĐ, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang và đang có người trả giá 970.000.000 đồng. Thấy D nói giá rẻ nên anh T2 đã giới thiệu cho chị Nguyễn Thị NM (em ruột anh T2), sinh năm 1990 ở thôn TC, xã VN, huyện Y, tỉnh Bắc Giang mua. Khoảng 21 giờ ngày 23/12/2020, anh T2 cùng chị NM vào nhà D để hỏi mua thửa đất trên, sau khi nói chuyện hai bên đã thỏa thuận mua bán thửa đất với giá 990.000.000 đồng (*chín trăm chín mươi triệu đồng*). Chị NM yêu cầu D cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng của thửa đất thì D chỉ gửi ảnh qua zalo cho

chị NM và nói dối là sổ đỏ đang thế chấp để vay tiền tại ngân hàng. Vì vậy, chị NM tưởng thật nên đồng ý mua và đặt cọc trước 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng, hẹn ngày hôm sau làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sau khi D rút sổ đỏ từ trong ngân hàng ra thì chị NM thanh toán nốt số tiền còn lại, hai bên thỏa thuận nếu D không bán đất lại cho chị NM thì phải bồi thường gấp 03 lần số tiền đặt cọc.

Ngày 24/12/2020, chị NM và anh T2 đến gặp D và N để làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng N không ký vào hợp đồng vì thấy giá bán đất thấp. Đến ngày 25/12/2020, vợ chồng D phải đưa con đi chữa bệnh ở thị trấn X, huyện CM, thành phố H3. Lúc này vợ chồng D yêu cầu chị NM chuyển thêm số tiền 35.000.000 đồng. Chị NM đồng ý và yêu cầu số tiền này phải cộng vào khoản tiền đặt cọc mua bán đất, vợ chồng D đồng ý. Ngày 29/12/2020, chị NM nhờ anh T2 đến thị trấn X để gặp vợ chồng D. Tại đây, hai bên đã làm hợp đồng đặt cọc tiền mua bán đất với số tiền cọc lần hai là 35.000.000 đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*), tổng số tiền cọc đợt 1 cộng đợt 2 là 85.000.000 đồng (*tám mươi lăm triệu đồng*). Vài ngày sau, chị NM chuyển đủ thêm số tiền cọc 35.000.000 đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*) cho vợ chồng D thì N đồng ý ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị NM. Những ngày sau đó, chị NM giục D lấy sổ đỏ để làm thủ tục chuyển nhượng đất nhưng D nói dối là không rút được sổ đỏ và sẽ trả lại tiền theo hợp đồng đặt cọc cho chị NM nhưng sau đó không trả được tiền cho chị NM.

Do vậy, ngày 29/01/2021, chị NM đến Công an xã L, huyện H làm đơn tố cáo Hoàng Thạch D về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Ngày 01/02/2021, chị NM giao nộp cho Công an xã L các bản in chi tiết các giao dịch chị NM chuyển tiền cho Hoàng Thạch D và 01 bản in đen trắng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP627556 do Hoàng Thạch D gửi cho chị NM ngày 23/12/2020 qua zalo.

Ngày 10/2/2021, chị NM giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/01/2021(bản gốc); 01 bản hợp đồng đặt cọc tiền mua bán nhà đất ngày 29/12/2020 (bản gốc); 01 giấy giao nhận tiền đặt cọc mua bán nhà đất ngày 23/12/2020(bản gốc) tất cả đều có chữ ký xác nhận của Hoàng Thạch D.

Ngày 23/02/2021 Cơ quan điều tra Công an huyện H ra Quyết định trưng cầu giám định số 70/QĐ. Ngày 18/02/2021 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang có kết luận giám định số 358/KL-KTHS kết luận: “*Chữ viết, chữ ký mang tên Hoàng Thạch D dưới các mục “Bên nhận tiền đặt cọc”, “đại diện bên nhận tiền” trên các tài liệu giám định (ký hiệu A1,A2); chữ viết có nội dung “Tôi đã nhận đủ 50.000.000đ đặt cọc (Năm mươi triệu đồng chẵn)” dưới các mục “Bên nhận cọc – Bên đặt cọc” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1); chữ viết tại các mục “Điều 2 – Điều 3 – Điều 4” và chữ viết có nội dung “ Tôi đã nhận đủ số tiền là 85.000.000đ” dưới mục “người làm chứng” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Thạch D trên các tài liệu mẫu Bản tự khai đề ngày 07/02/2021 (ký hiệu M1,M2) và bản mẫu chữ ký của Hoàng Thạch D đề ngày 07/02/2021 (ký hiệu M3) là do cùng một người ký ra, viết ra.”.*

Sau khi nhận được đơn tố cáo của chị NM, Công an xã L triệu tập D đến làm việc, ban đầu D không thừa nhận việc lừa đảo tiền của chị NM, nhưng sau đó Công an xác minh thu thập tài liệu, D đã khai thừa nhận. Quá trình điều tra, truy tố Hoàng Thạch D khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên; Số tiền chiếm đoạt của chị NM, D đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết nên không trả lại được cho chị NM.

Tại Bản cáo trạng số 88/CT-VKS ngày 10 tháng 9 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Hoàng Thạch D về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 và của Bộ luật Hình sự.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 86/2021/HSST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

1. Điều luật áp dụng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm b, s khoản 1 Điều 51 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và Điều 38 BLHS.

2. Xử phạt: Hoàng Thạch D 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo D đi thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 11/10/2021 bị cáo Hoàng Thạch D có đơn kháng cáo với nội dung: đề nghị xem xét xin hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị cáo Hoàng Thạch D có đơn xin xét xử vắng mặt do sức khỏe không tốt đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đã kết luận và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Thạch D. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Hoàng Thạch D nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

Bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Do muốn có tiền để sử dụng chi tiêu cá nhân, Hoàng Thạch D đã dùng thủ đoạn gian dối đối với chị Nguyễn Thị NM, sinh năm 1990 ở thôn TC, xã VN, huyện Y, tỉnh Bắc Giang về việc bán cho chị NM thửa đất tại tổ dân phố TĐ, thị trấn T, huyện H mà thửa đất này trước đó D đã chuyển nhượng cho anh Hoàng Văn Q và anh Hoàng Văn H4 vào ngày 18/11/2019. Tổng số tiền D đã chiếm đoạt của chị NM do chị NM đặt cọc là **85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng)**,

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Hoàng Thạch D thì thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho người dân. Chỉ vì lười lao động thích hưởng thụ, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của những người bị hại với tổng số tiền là 85.000.000 đồng. Điều này thể hiện sự liều lĩnh và coi thường pháp luật của bị cáo. Do vậy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 BLHS

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, khắc phục, bồi thường thiệt hại cho bị hại nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo sau khi phạm tội có đơn ra đầu thú, bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo một phần khi lượng hình.

Bản án sơ thẩm sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo, đánh giá toàn bộ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đã xử phạt bị cáo Hoàng Thạch D 30 (Ba mươi) tháng tù là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo Dkháng cáo xin hưởng án treo, tuy nhiên tại Tòa án cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Hoàng Thạch D như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo bị cáo Hoàng Thạch D không được chấp nhận nên bị cáo Dphải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Thạch D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và Điều 38 BLHS.

Xử phạt: Hoàng Thạch D 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo Đi thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Hoàng Thạch D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hải Vinh